

## THÔNG BÁO

### Thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường Nghè Nénh (đoạn từ giáp Nhà văn hóa Ninh Khánh đi đường giao Đoãn Đại Hiệu), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua danh mục các dự án, công trình được phép thu hồi đất, các dự án công trình được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-UBND, ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Việt Yên;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 59/TNMT, ngày 17/3/2020;

Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên thông báo như sau:

#### 1. Thu hồi đất:

- Diện tích đất dự kiến thu hồi: 12.269,2 m<sup>2</sup> (Mười hai nghìn hai trăm sáu mươi chín phẩy hai mét vuông).

- Địa chỉ khu đất: Tại Đồng Đũn (Đồng Nénh), Đồng Cởi, Đồng Giữa, Sau Nha, Trước Hồ thôn Ninh Khánh, thôn Yên Ninh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Tổng số hộ bị thu hồi đất, ảnh hưởng bởi dự án: 65 hộ gia đình, cá nhân thuộc hai thôn Ninh Khánh, Yên Ninh thị trấn Nénh và 01 tổ chức (UBND thị trấn Nénh) quản lý và sử dụng;

(Kèm theo danh sách chi tiết thu hồi bao gồm: Tên chủ sử dụng đất, diện tích thửa, tờ bản đồ số, loại đất)

**2. Lý do thu hồi đất:** Thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường Nghè Nénh (đoạn từ giáp Nhà văn hóa Ninh Khánh đi đường giao Doãn Đại Hiệu), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:**

Trong thời gian: Kể từ ngày ban hành thông báo thu hồi đất.

**4. Chủ đầu tư và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Nénh, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê tài sản gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB. Trường hợp các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê tài sản gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật./.**

**Nơi nhận:**

- UBND thị trấn Nénh (10 bản);
- Lưu: VT.

**Bản điện tử:**

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị trấn Nénh;
- LĐVP, CVTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phương**

DANH SÁCH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

Dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông (đoạn từ giáp Nhà văn hóa Ninh Khánh đi đường giao Doãn Đại Hiệu), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang  
 Địa điểm: Tại Đồng Đùn (Đồng Nénh), Đồng Cờ, Đồng Giữa, Sau Nha, Trước Hồ thôn Ninh Khánh, thôn Yên Ninh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên

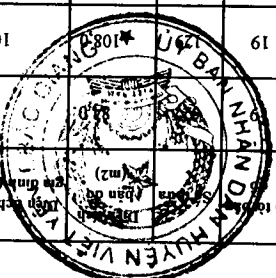
Thực hiện theo Thông báo số: *MM* /TB-UBND ngày *20/3/2020* của UBND huyện Việt Yên



STT	Tên chủ sử dụng	Địa chỉ thửa sử dụng đất (thôn)	Số thửa sử dụng đất	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích hộ gia đình (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi để thực hiện dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích ngoài chỉ giới (m <sup>2</sup> )	Diện tích giao (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Xử đồng	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11	12	13	14
1	Nguyễn Thị Minh	Yên Ninh	13	234	370,1	137,3	127,6	9,7	137,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	Đã thu hồi 132 m <sup>2</sup> nhà ông Thân Bá Vượng và 55m <sup>2</sup> nhà bà Thân Thị Tâm tại dự án đường Doãn Đại Hiệu
2	Đỗ Văn Đông	Yên Ninh	13	233	179,1	179,1	4,1	175,0	170,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
3	Hoàng Văn Cảnh	Yên Ninh	13	270	187,1	187,1	118,5	68,6	156,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
4	Đỗ Thị Toan	Yên Ninh	13	601	69,6	69,6	65,0	4,6	58,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Cờ	
5	Nguyễn Văn Bình	Yên Ninh	13	269	209,9	209,9	146,7	63,2	127,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
6	Thân Văn Ngần (Trình)	Yên Ninh	13	329	260,3	260,3	30,2	230,1		LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
7	Lê Thị Hạnh	Ninh Khánh	13	328	164,3	164,3	57,7	106,6	145,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
8	Vũ Văn Hành	Ninh Khánh	13	793	81,5	81,5	81,5	-	72,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Nénh	
9	Đỗ Văn Lương	Ninh Khánh	13	805	136,0	136,0	136,0	-	120,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
10	Lê Văn Tuấn	Ninh Khánh	13	804	149,6	149,6	147,8	1,8	132,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Nénh	
11	Nguyễn Văn Linh (Hạnh)	Ninh Khánh	13	795	164,0	164,0	7,3	156,7	164,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
12	Đỗ Thị Dung và Đỗ Văn Bình (thầy em trai)	Ninh Khánh	13	803	108,0	108,0	75,0	33,0	108,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
13	Lê Văn Tấn	Ninh Khánh	13	381	105,0	105,0	55,5	49,5	72,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Sau Nha	
14	Lê Văn Đê	Ninh Khánh	13	380	127,0	127,0	80,8	46,2	127,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
15	Lê Thị Sang (Nguyễn Văn Thái)	Ninh Khánh	13	802	144,0	144,0	101,6	42,4	144,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
16	Nguyễn Xuân Toàn	Ninh Khánh	13	801	48,0	48,0	34,2	13,8	48,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
17	Lê Thị Hồng	Ninh Khánh	13	379	156,0	156,0	115,4	40,6	156,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
18	Nguyễn Văn Diện	Ninh Khánh	13	826	72,0	72,0	53,9	18,1		LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
19	Bùi Văn Nghị	Ninh Khánh	13	378	68,0	68,0	53,1	14,9	68,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Giữa	
20	Lê Văn Trung (Nhiên)	Ninh Khánh	13	800	110,0	110,0	92,5	17,5	96,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Nénh	
21	Đỗ Văn Vè	Ninh Khánh	13	678	54,3	54,3	54,3	-	48,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Đùn	
22	Nguyễn Thị Hồng	Ninh Khánh	13	679	48,2	48,2	48,2	-	48,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Đùn	
23	Nguyễn Thị Nghĩa	Ninh Khánh	13	680	48,0	48,0	48,0	-	48,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Đùn	
24	Nguyễn Văn Gia	Ninh Khánh	13	473	216,0	216,0	41,7	174,3	456,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đồng Nénh	

TT	Tên chủ sử dụng	Địa chỉ sử dụng đất (thôn)	Số thửa	Số thửa	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Xử dụng	Chi chi
55	Lê Thị Lưu	Ninh Khánh	13	469	159,6	159,6	252,0	252,0	120,0	120,0	120,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Dư	
56	Đỗ Văn Tĩnh (Chức)	Ninh Khánh	13	470	252,0	252,0	252,0	252,0	120,0	120,0	120,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Dư	
57	Lê Hoài Lương	Ninh Khánh	13	471	120,0	120,0	120,0	120,0	120,0	120,0	120,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Dư	
58	Bùi Văn Nho	Ninh Khánh	13	472	120,0	120,0	102,8	102,8	120,0	120,0	120,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Dư	
59	Lê Văn Suốt	Ninh Khánh	13	493	180,8	180,8	180,8	180,8	100,0	100,0	100,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
60	Nguyễn Văn Tào	Ninh Khánh	13	494	120,0	120,0	120,0	120,0	120,0	120,0	120,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
61	Lê Quang Vinh	Ninh Khánh	13	495	132,0	132,0	132,0	132,0	132,0	132,0	132,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
62	Bùi Văn Đạt	Ninh Khánh	13	496	163,9	163,9	140,5	23,4	156,0	156,0	156,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Dư	
63	Bùi Văn Đậu và UBND	Ninh Khánh	13	135,4	135,4	135,4	135,4	-	60,0	60,0	60,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	Đất từ đồng giữa về 60 m <sup>2</sup>
64	Nguyễn Văn Tư	Ninh Khánh	13	543	281,9	281,9	281,9	-	228,0	228,0	228,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Dư	
65	Nguyễn Thị Lan	Ninh Khánh	13	544	50,7	50,7	50,7	-	40,0	40,0	40,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Dư	
66	Đỗ Văn Chính (bố là ông Bằng)	Ninh Khánh	13	546	60,4	60,4	60,4	-	48,0	48,0	48,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
67	Đỗ Văn Thim	Ninh Khánh	13	545	330,4	330,4	330,4	-	327,0	327,0	327,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
68	Nguyễn Văn Thọ	Ninh Khánh	13	547	100,0	100,0	50,3	49,7	100,0	100,0	100,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Dư	
69	Lê Thanh Bình	Ninh Khánh	13	574	135,6	135,6	80,7	54,9	132,0	132,0	132,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
70	Nguyễn Văn Thăng	Ninh Khánh	19	2	282,5	282,5	282,5	-	264,0	264,0	264,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Dư	
71	Lê Văn Sang	Ninh Khánh	19	3	101,0	101,0	101,0	-	101,0	101,0	101,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
72	Nguyễn Văn Ba	Ninh Khánh	19	669	314,0	314,0	266,5	47,5	211,0	211,0	211,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Dư	
73	Lê Hùng Tào	Ninh Khánh	19	28	167,6	167,6	160,4	7,2	154,0	154,0	154,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
74	Lê Văn Tuất	Ninh Khánh	19	29	260,6	260,6	73,4	187,2	?	?	?	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Dư	
75	Nguyễn Văn Nhạng	Ninh Khánh	19	27	240,0	240,0	190,9	49,1	240,0	240,0	240,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
76	Lê Hồng Long	Ninh Khánh	19	65	336,0	336,0	249,6	86,4	336,0	336,0	336,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
77	Lê Văn Thăng (bố là ông TH)	Ninh Khánh	19	95	133,0	133,0	94,5	38,5	133,0	133,0	133,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
78	Nguyễn Văn Thuật	Ninh Khánh	19	93	141,0	141,0	101,9	39,1	141,0	141,0	141,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
79	Đỗ Văn Tông	Ninh Khánh	19	92	192,8	192,8	134,5	58,3	192,0	192,0	192,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
80	Lê Văn Tài	Ninh Khánh	19	91	143,1	143,1	100,9	42,2	140,0	140,0	140,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
81	Lê Văn Sơ	Ninh Khánh	19	127	115,0	115,0	115,0	-	115,0	115,0	115,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	
82	Ngô Thị Liên	Ninh Khánh	19	128	168,0	168,0	168,0	-	168,0	168,0	168,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nén	

STT	Tên chủ sử dụng	Địa chỉ chủ sử dụng đất (thôn)	Số thửa	Diện tích thực hiện dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích ngoài chỉ giới (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Xứ dòng	Chi chú
81	UBND	Ninh Khánh	19	403	95,8		LUC	Đất công ích	Đông Nénh	
80	UBND	Ninh Khánh	19	401	103,8	41,9	LUC	Đất công ích	Đông Nénh	
79	UBND	Ninh Khánh	19	402	224,7	155,5	LUC	Đất công ích	Đông Nénh	
78	UBND	Ninh Khánh	19	418	164,3	160,6	LUC	Đất công ích	Đông Nénh	
77	UBND	Ninh Khánh	19	417	100,7	27,5	LUC	Đất công ích	Đông Nénh	
76	UBND	Ninh Khánh	13	527	157,3	39,7	LUC	Đất công ích	Đông Nénh	
75	UBND	Ninh Khánh	55	62	3.312,1	408,2	DGT	Đất giao thông	Thôn Ninh Khánh	
74	UBND	Ninh Khánh	55	48	430,3		DTL	Đất thủy lợi	Thôn Ninh Khánh	
73	UBND	Ninh Khánh	19	444	308,0	16,1	DTL	Đất thủy lợi	Đông Nénh	
72	UBND	Ninh Khánh	19	396	6.653,9	816,9	DGT	Đất giao thông	Đông Nénh	
71	UBND	Ninh Khánh	19	319	404,9	389,2	DGT	Đất giao thông	Đông Nénh	
70	UBND	Ninh Khánh	19	320	985,1	985,1	DTL	Đất thủy lợi	Đông Nénh	
69	UBND	Ninh Khánh	19	321	165,7	2,9	DGT	Đất giao thông	Đông Nénh	
68	UBND	Ninh Khánh	19	1	160,4	160,4	DGT	Đất giao thông	Đông Nénh	
67	UBND	Ninh Khánh	13	502	977,5	171,1	DGT	Đất giao thông	Đông Nénh	
66	UBND	Ninh Khánh	13	518	3.425,6	189,6	DTL	Đất thủy lợi	Đông Nénh	
65	Lê Văn Lương	Ninh Khánh	19	679	98,3	98,3	LUC	Hộ gia đình vỡ hoang SD ổn định trước ngày 01/7/2014	Đông Nénh	
	Lê Văn Lương	Ninh Khánh	19	316	317,4	180,7	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Trước Hồ	
64	Nguyễn Văn Hành	Ninh Khánh	19	379	176,8	176,8	LUC	Hộ gia đình vỡ hoang SD ổn định trước ngày 01/7/2014	Đông Nénh	
	Nguyễn Văn Hành	Ninh Khánh	19	671	248,0	192,1	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Trước Hồ	
63	Lê Thị Soan	Ninh Khánh	19	230	182,0	182,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nénh	
62	Lê Xuân Trường	Ninh Khánh	19	229	123,0	106,4	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nénh	
61	Đào Thị Ty	Ninh Khánh	19	195	96,0	96,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nénh	
60	Đào Văn Lăng	Ninh Khánh	19	194	64,2	64,2	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nénh	
59	Lê Văn Khúc	Ninh Khánh	19	196	221,7	163,4	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nénh	
58	Ngô Thị Đỏ	Ninh Khánh	19	162	98,0	98,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nénh	
57	Đỗ Thị Bằng (Nhạc)	Ninh Khánh	19	665	78,6	78,6	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nénh	
56	Đỗ Văn Quyền	Ninh Khánh	19	161	72,0	72,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nénh	
55	Lê Văn Bô	Ninh Khánh	19	160	116,0	116,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nénh	
54	Đỗ Hồng Thuận	Ninh Khánh	19	108,0	108,0	3,4	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nénh	
53	Đỗ Văn Thành	Ninh Khánh			84,0	84,0	LUC	Hộ gia đình được giao sử dụng ổn định	Đông Nénh	



TT	Tên chủ sử dụng	Địa chỉ chủ sử dụng đất (thôn)	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích ban đầu (m <sup>2</sup> )	Diện tích gia đình (m <sup>2</sup> )	Diện tích hộ thụ hồi để ngoại chi giới (m <sup>2</sup> )	Diện tích giao (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Xử đồng	Chi chi
82	UBND	Ninh Khánh	19	404	162,5	47,2	115,3		LUC	Đất công ích	Đồng Nénh	
83	UBND	Ninh Khánh	19	378	67,3	36,0	31,3		LUC	Đất công ích	Đồng Nénh	
84	UBND	Yên Ninh	13	602	77,9	77,9	-		LUC	Đất công ích	Đồng Cời	Hà bá đồ Thị Toan thâu
85	UBND	Ninh Khánh	19	676	8.506,6	569,9	7.936,7		NTS+LUC	Đất công ích	Trước Hồ	
<b>Tổng</b>												
					36.781,7	10.064,5	12.269,2	24.279,7				